

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2017/DS-ST
Ngày: 18/5/2018
V/v: “T/c Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Thìn

2. Bà Nguyễn Thị Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Trong 18 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 445/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 391/2018/QĐST-DS, ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đặng Thanh B**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 153, Nguyễn Văn Tiên, khu phố 9, phường, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Phạm Công Ch**, sinh năm 1968.

Bà **Phạm Thị A**, sinh năm: 1965.

Cùng địa chỉ: Số 61/15 (số cũ 90/6), khu phố 6, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ch, bà A: Anh **Hồ Văn N**, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số 5/1, khu phố 4, phường Q, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. (Giấy ủy quyền ngày 31/10/2017)

(Anh B, anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2017, bản tự khai, tại các buổi hòa giải nguyên đơn ông Đặng Thanh B trình bày:

Ngày 18/1/2017, ông có cho ông Ch, bà A vay số tiền 550.000.000đ do là chỗ quen biết nên các bên chỉ làm giấy tay với nhau. Thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 18/01/2017 đến ngày 18/02/2017), không tính lãi đối với số tiền vay này.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ nhưng ông Ch, bà A không trả được nợ. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông Ch, bà A trả nợ nhưng ông Ch bà A không trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên buộc ông Ch, bà A phải trả cho ông số tiền 550.000.000đ và nợ lãi quá hạn kể từ ngày 18/02/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Đối với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Hồ Văn N chỉ đồng ý trả 300.000.000đ và trả dần trong vòng 06 tháng thì ông không đồng ý.

Bị đơn ông Phạm Công Ch, bà Phạm Thị A do anh Hồ Văn N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào đầu năm 2016, ông Ch có vay của ông B số tiền là 400.000.000đ, lãi suất 0%, thời gian trả tiền là 01 tháng, khi vay có viết giấy tay và thế lại 04 giấy đăng ký xe ô tô (02 xe ben và 02 xe tải). Tại thời điểm vay do công việc làm ăn của gia đình ông Ch gặp khó khăn nên sau 01 tháng ông Ch không thể trả được nợ cho ông B. Đến tháng 10/2016, ông B nhiều lần yêu cầu ông Ch trả nợ, vì không có sẵn tiền mặt nên ông B có yêu cầu ông Ch gán nợ cho ông B 03 chiếc xe ô tô cụ thể như sau:

- 01 xe du lịch biển số 60L-1932 với số tiền là 120.000.000đ.

- 02 chiếc xe tải biển số 51LD-4827 và biển số 51LD-4824 với số tiền là 160.000.000đ.

Đối với 03 chiếc xe này ông B đã yêu cầu ông Ch viết giấy mua bán tay. Đồng thời, ông B giữ toàn bộ cả vệt và biển số đối với 02 chiếc xe tải còn chiếc xe du lịch thì ông B giữ chìa khóa xe. Cứ tưởng việc gán nợ đã xong. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2016 âm lịch ông B yêu cầu ông Ch phải thanh toán tiền mặt là 30.000.000đ, số tiền này ông Ch cũng đã thanh toán cho ông B.

Ngày 18/01/2017, ông B yêu cầu ông Ch phải viết giấy vay nợ với số tiền nợ gốc và lãi là 550.000.000đ và buộc sau 01 tháng phải trả hết số tiền này cho ông B. Khi viết giấy vay nợ chỉ có một mình ông Ch ký tên, đối với chữ ký của vợ ông Ch (bà A) là do ông Ch tự viết và ký tên vào giấy mượn tiền. Tại thời điểm này ông B còn giữ thêm 02 chiếc cà vệt xe của ông Ch.

Hiện nay, ông Đặng Thanh B khởi kiện ra Tòa yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà H phải trả số tiền là 550.000.000đ và nợ lãi quá hạn, ông Ch bà A không đồng ý. Bởi vì, theo lời trình bày của ông Ch thì việc ông B giữ một số giấy tờ xe đã làm thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ch trong quá trình vay mượn tiền. Cụ thể: Hiện nay, ông Ch đang bị Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Trung S yêu cầu bồi thường số tiền 200.000.000đ, đây là số tiền ông B đã giữ cả vệt xe vào đầu năm 2016 khiến cho các xe này không lưu thông được phải bán sắt vụn. Ngoài ra, tháng 10/2016, tháng 01/2017 ông B đã làm giấy gán nợ bằng việc mua lại 03 chiếc xe cũng như giữ thêm một số cà vệt xe, khi làm giấy mua bán ông B đã giữ lại hết giấy tờ và biển số xe khiến cho hàng tháng vẫn phải trả tiền lưu bãi mà không lưu thông được.

Nay ông Ch chỉ thừa nhận là có vay của ông B số tiền 400.000.000đ và chỉ đồng ý trả số tiền này. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng việc ông B giữ một số giấy tờ xe đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của ông Ch. Đồng thời, hiện nay ông Ch đã thanh toán được 30.000.000đ. Vì vậy, ông Ch chỉ đồng ý trả cho ông B số tiền còn lại là 300.000.000đ, thời gian trả trong vòng 06 tháng. Đồng thời, yêu cầu ông B phải trả lại toàn bộ các giấy tờ xe đã nhận cũng như 02 giấy tờ mua bán xe tay vào tháng 10/2016.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh B buộc ông Phạm Công Ch và bà Phạm Thị A phải trả cho ông Đặng Thanh B số tiền 550.000.000đ và nợ lãi quá hạn từ ngày 18/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Ông Đặng Thanh B khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị A phải trả cho ông B số tiền 550.000.000đ và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 18/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Đặng Thanh B là nguyên đơn, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị A là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông B, ông Ch, bà A đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống, làm việc tại thành phố H, tỉnh Đồng Nai căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Ông Đặng Thanh B có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/5/2018, anh Hồ Văn N có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án ngày 18/01/2018 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B và anh N theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh B nhận thấy: Việc vay tiền giữa ông B và ông Ch, bà A là có thật, sự việc này được thể hiện rõ tại giấy mượn tiền ngày 18/01/2017 (Bút lục 02) do ông B cung cấp và sự thừa nhận của ông Ch tại bản tự khai ngày 28/11/2017 (Bút lục 19), anh N tại bản tự khai ngày 18/01/2018 tại (Bút lục 29).

[5] Xét lời khai của ông Ch và anh N là có sự mâu thuẫn nhau. Bởi lẽ, ông Ch thừa nhận có vay tiền của ông B vào năm 2016 với số tiền là 400.000.000đ chứ không phải số tiền 550.000.000đ vào năm 2017 như ông B khai nhưng ông Ch đã trả nợ xong cho ông B thông qua việc gán nợ 03 chiếc xe ô tô (01 xe du lịch, 02 xe tải) vào tháng 10/2016, có làm giấy mua bán tay, hiện ông B đang giữ giấy tờ xe của 02 xe tải và 01 chìa khóa của xe du lịch. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2016 âm lịch tức là sau thời điểm trả xong nợ cho ông B thì ông Ch vẫn tiếp tục trả thêm cho ông B số tiền mặt là 30.000.000đ. Đến ngày 18/01/2017, ông Ch, bà A vẫn đồng ý viết tiếp giấy tay mượn tiền với số tiền 550.000.000đ của ông B. Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông Ch và bà A trả số tiền 550.000.000đ và lãi nợ quá hạn theo quy định của pháp luật, ông Ch vẫn đồng ý trả số tiền 300.000.000đ và trả trong vòng 06 tháng. Như vậy, một mặt ông Ch và anh N thừa nhận nợ tiền của ông B nhưng đã trả xong nợ cho ông B vào tháng 10/2016. Mặt khác, cho dù đã trả xong nợ nhưng ông Ch vẫn trả thêm số tiền 30.000.000đ cho ông B và khi ông B khởi kiện yêu cầu trả tiếp số tiền 550.000.000đ tiền nợ gốc và tiền nợ lãi quá hạn thì ông Ch lại vẫn đồng ý trả, mặc dù chỉ đồng ý trả số tiền 300.000.000đ và đề nghị trả dần trong vòng 06 tháng là có sự mâu thuẫn và không thống nhất trong chính lời khai của mình.

Ông Ch và anh N cũng cho rằng chữ ký và chữ viết tên Phạm Thị A trong giấy mượn tiền ngày 18/01/2017 (Bút lục 02) là do ông Ch tự ký và viết tên bà A vào chứ không phải bà A ký và viết. Tuy nhiên, bà A không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết tên Phạm Thị A trong giấy mượn tiền ngày 18/01/2017 (Bút lục 25) còn đối với nguyên đơn ông B vẫn khẳng định chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 18/01/2017 là do bà A ký tên và viết tên Phạm Thị A, ông B cũng không yêu cầu giám định (Bút lục 30).

[6] Xét thấy lời khai của ông B, ông Ch, anh N có sự mâu thuẫn nhau nên Tòa án đã ban hành các quyết định đối chất, các thông báo hòa giải để làm rõ nội dung của vụ án và yêu cầu ông Ch, anh N cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Tuy nhiên, anh N là người đại diện theo ủy của ông Ch, bà A có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng (Bút lục 28) nên không thể tiến hành đối chất cũng như hòa giải được. Như vậy, ngoài các bản tự khai thì ông Ch, bà A cũng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào. Mặt khác, lời khai của ông Ch, bà A cũng không được ông B thừa nhận.

Đối với đề nghị của ông Ch đồng ý trả 300.000.000đ và trả dần trong vòng 06 tháng không được ông B đồng ý nên không có cơ sở xem xét. Từ những phân tích, nhận định trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông B là có cơ sở chấp nhận. Như vậy, số tiền ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị A phải trả cho ông Đặng Thanh B là nợ gốc 550.000.000đ; lãi nợ quá hạn tính từ ngày 18/02/2017 đến ngày 18/5/2018 là $550.000.000đ \times 10\% \times 15 \text{ tháng} : 12 = 68.750.000đ$. Tổng cộng gốc và lãi là 618.750.000đ.

[7] Về án phí: Ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đặng Thanh B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, 68, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào Điều 119; 463; 466, Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Thanh B đối với bị đơn ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị A.

Buộc ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị A phải trả cho ông Đặng Thanh B tổng số tiền nợ là 618.750.000đ. Trong đó tiền nợ gốc là 550.000.000đ, tiền nợ lãi quá hạn là 68.750.000đ.

Về án phí: Ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.750.000đ.

Ông Đặng Thanh B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.200.000đ theo biên lai thu tiền số 002386 ngày 31/8/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố H.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Thị Đào